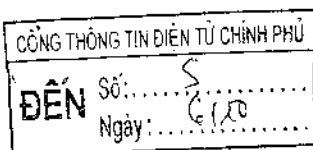


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35 /2014/QĐ-UBND

An Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Quy định quản lý, sử dụng và phát triển
cụm-tuyến dân cư sau đầu tư trên địa bàn tỉnh An Giang.****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 105/2002/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách cho các hộ dân vùng ngập lũ mua trả chậm nền nhà và nhà ở trong các cụm-tuyến dân cư ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long;

Căn cứ Quyết định số 78/2004/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế, chính sách để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở tại các tỉnh thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long;

Căn cứ Quyết định số 09/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 204/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2005 về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng và cơ chế vay vốn xây dựng nhà ở thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long;

Căn cứ Quyết định số 48/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 204/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 72/2002/TT-LT-TC-XD-NHNN ngày 23 tháng 8 năm 2002 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện chính sách cho các hộ dân vùng ngập lũ mua trả chậm nền nhà và nhà ở trong các cụm, tuyến dân cư vùng đồng bằng sông Cửu Long;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 174/TT-SXD ngày 22 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, sử dụng và phát triển các cụm, tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ sau đầu tư trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế:

1. Quyết định số 3333/2005/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành bản Quy định quản lý, sử dụng và phát triển cụm-tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ trên địa bàn tỉnh An Giang;

2. Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về quản lý Nhà nước đối với các dự án đầu tư (giai đoạn II) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính Phủ;
- Bộ Xây dựng (b/cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: CVP, phòng: TH, KT, ĐTXD;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, TX, TP;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Website An Giang;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Anh Kiệt

QUY ĐỊNH

Quản lý, sử dụng và phát triển các cụm-tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ sau đầu tư trên địa bàn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 35 /2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được áp dụng đối với cụm-tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ sau đầu tư trên địa bàn tỉnh An Giang (gọi chung là cụm-tuyến dân cư) được xây dựng trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch danh mục và nguồn vốn đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt để triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình xây dựng cụm-tuyến dân cư và nhà ở thường xuyên ngập lũ vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng đối với Quy định này là những tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống và làm việc trên các cụm, tuyến dân cư đã được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang, bao gồm:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang cư trú trên cụm-tuyến dân cư thuộc đối tượng ưu tiên được Ủy ban nhân dân cấp huyện xét duyệt cho mua nền nhà và nhà ở trả chậm;
2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua nền nhà giá linh hoạt trong 30% số nền được phép bán để đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 78/2004/QĐ-TTg ngày 07/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ hoặc sang nhượng nền nhà và nhà ở hợp pháp trên cụm-tuyến dân cư;
3. Những người đang công tác trong các công trình hạ tầng xã hội trên cụm-tuyến dân cư.

Điều 3. Tiêu chí tối thiểu để xây dựng nhà ở trong cụm-tuyến dân cư

1. Nhà ở cho các đối tượng trên cụm-tuyến dân cư khi xây dựng lần đầu phải đảm bảo các tiêu chí tối thiểu như sau:

- a) Diện tích xây dựng nhà ở không nhỏ hơn 32 m²;

b) Niên hạn sử dụng của nhà ở phải từ 20 năm trở lên; vật liệu sử dụng cho khung nhà phải là loại vật liệu khó cháy (cột bê tông, kèo thép, mái tôn, vách tôn hoặc xây gạch);

c) Có nhà vệ sinh tự hoại phù hợp tiêu chuẩn vệ sinh môi trường;

d) Phải đảm bảo đúng lộ giới, chỉ giới xây dựng được duyệt.

2. Nghiêm cấm việc xây dựng nhà ở trên cụm-tuyến dân cư bằng kết cấu tranh, tre, lá hoặc không đúng các quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CỤM-TUYẾN DÂN CƯ

Điều 4. Cấp phép xây dựng nhà ở, công trình xây dựng

1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quy định này được miễn cấp phép xây dựng nhà ở lần đầu, chỉ thông báo UBND cấp xã quản lý địa bàn có cụm-tuyến dân cư. Sau thời gian cư trú ổn định, nếu có nhu cầu cải tạo, xây mới phải thực hiện quy trình xin cấp giấy phép xây dựng;

2. Đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Quy định này, khi xây dựng nhà ở hoặc công trình xây dựng phải thực hiện quy trình xin cấp giấy phép xây dựng;

3. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp phép xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành về cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 5. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên cụm-tuyến dân cư

1. Đối tượng mua nền giá cơ bản đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quy định này: Sau thời hạn 10 (mười) năm, hộ gia đình, cá nhân đã trả hết nợ mua nền nhà và nợ vay xây dựng nhà ở thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Trường hợp trong thời hạn 10 (mười) năm, hộ gia đình, cá nhân đã trả hết nợ mua nền nhà và nợ vay xây dựng nhà ở thì vẫn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng bị hạn chế một số quyền: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, tặng cho quyền sử dụng đất, bảo lãnh, góp vốn;

Sau thời hạn 10 (mười) năm, Hộ gia đình, cá nhân có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất; khi chuyển nhượng phải nộp 50% tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ theo quy định tại thời điểm chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 48/2012/QĐ-TTg ngày 01/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Việc ghi chú trên giấy chứng nhận để thu lại 50% tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ khi chuyển quyền được thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường;

2. Đối tượng mua nền linh hoạt quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy định này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật ngay sau khi thực hiện hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

Điều 6. Quản lý nhà ở, đất ở của đối tượng ưu tiên

1. Hộ gia đình, cá nhân được xét duyệt cho mua nền nhà trả chậm khi xây dựng nhà ở phải đảm bảo tuân thủ các tiêu chí tối thiểu để xây dựng nhà ở (lần đầu) được quy định tại Điều 3 Quy định này;

2. Nhà ở đã được xây dựng lần đầu trên cụm-tuyến dân cư khi có nhu cầu nâng cấp, mở rộng phải đảm bảo các điều kiện:

a) Không được xâm phạm chỉ giới xây dựng cho phép, không được chiếm dụng diện tích công cộng, không làm ảnh hưởng và thiệt hại cho các hộ liền kề;

b) Trong trường hợp có nhu cầu phá dỡ nhà đã xây dựng lần đầu để cải tạo nâng cấp mở rộng hoặc xây dựng mới phải thực hiện quy trình xin cấp giấy phép xây dựng.

3. Trong thời hạn 10 (mười) năm kể từ khi nhận nhà ở, đất ở, nếu vì lý do đặc biệt (biến cố gia đình, bệnh tật, di chuyển chỗ ở) cần chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho nhà ở, quyền sử dụng đất ở thì phải tuân thủ các quy định sau:

a) Có xác nhận điều kiện đặc biệt của UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) nơi cư trú;

b) Phải được sự cho phép chuyển dịch của UBND cấp huyện;

c) Giá trị nhà ở, đất ở phải được tính theo giá trị ban đầu, có cộng lãi vay với lãi suất theo quy định của Chương trình, không được tính theo giá trị thị trường về nhà ở, đất ở.

4. Hộ gia đình, cá nhân được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở trong trường hợp này phải có các điều kiện sau:

a) Là đối tượng được xét duyệt theo quy định Chương trình, có hộ khẩu thường trú tại xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn cấp huyện nơi có cụm-tuyến dân cư;

b) Thực sự có nhu cầu về nhà ở;

c) Phải đảm bảo tuân thủ các quy định về phòng chống thiên tai, vệ sinh môi trường và các quy định khác trong cụm- tuyến dân cư;

5. Nghiêm cấm mọi trường hợp sang nhượng, cho thuê mượn nền nhà và nhà ở mà chưa được sự cho phép của chính quyền cấp xã. Nếu vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quản lý nhà ở, đất ở trong khu vực nền giá linh hoạt

1. Không quá 12 (mười hai) tháng kể từ ngày mua nền nhà và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính, tổ chức, cá nhân mua nền trong cụm-tuyến dân cư thuộc quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy định này phải tiến hành xây dựng nhà ở (hoặc công trình xây dựng). Việc xây dựng phải tuân thủ quy trình xin cấp giấy phép xây dựng;

2. Đất ở của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng này được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 8. Quản lý, bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Mỗi cụm-tuyến dân cư phải xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ nhu cầu tối thiểu cho sinh hoạt cộng đồng dân cư. Việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đều phải theo đúng quy hoạch tổng mặt bằng và đúng thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công trình hạ tầng kỹ thuật trong cụm, tuyến dân cư bao gồm: Công trình đường giao thông nội bộ (mặt đường, vỉa hè); Công trình cấp nước sinh hoạt (trạm cấp, đài nước, mạng lưới đường ống cấp nước); Công trình thoát nước (cống ngầm, mương nổi, hồ ga); Công trình cấp điện (Trạm biến thế, đường dây trung thế, hạ thế); Công trình đê bao (đê bao bằng đất, kè bảo vệ, cây chắn sóng, cây trồng giữ mái taluy, cây trồng trên khoảng lưu không).

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sống trên cụm-tuyến dân cư có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, vận hành, duy tu bảo dưỡng theo quy định chung nhằm khai thác sử dụng tốt các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng;

3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sống trên cụm-tuyến dân cư có trách nhiệm chủ động thực hiện hoặc tích cực tham gia các đợt trồng cây quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này do Nhà nước phát động và quản lý, bảo vệ và bảo dưỡng công trình cây chắn sóng bảo vệ đê. Việc khai thác cây xanh phòng hộ trên mái taluy phải tuân thủ theo hướng dẫn của ngành chức năng, đảm bảo số lượng, mật độ còn lại đủ chống xói lở, đảm bảo an toàn cho đê bao các cụm-tuyến dân cư.

4. Mọi trường hợp xây dựng, sửa chữa và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật trong các cụm-tuyến dân cư phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

5. Nghiêm cấm mọi hành vi cố ý làm thay đổi, gây hư hỏng, chiếm dụng công trình hạ tầng kỹ thuật trong cụm, tuyến dân cư. Nếu vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quản lý, bảo vệ công trình hạ tầng xã hội

1. Công trình hạ tầng xã hội trên cụm-tuyến dân cư được xác định trong quy hoạch tổng mặt bằng được cấp thẩm quyền phê duyệt, được đầu tư xây dựng

bằng nguồn vốn Ngân sách, vốn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu hoặc các nguồn vốn khác, bao gồm:

- a) Công trình y tế: Trạm y tế;
- b) Công trình giáo dục: nhà trẻ - mẫu giáo, trường học các cấp;
- c) Công trình thương mại: chợ, cửa hàng các loại;
- d) Công trình cây xanh: cây xanh vỉa hè, cây xanh trong khuôn viên nhà;
- đ) Công trình công cộng khác có mục đích phục vụ cộng đồng cụm-tuyến dân cư.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sống trên cụm-tuyến dân cư có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng xã hội theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; tham gia trồng, quản lý, bảo vệ cây xanh vỉa hè và khuyến khích tự tổ chức trồng cây trong khuôn viên nhà tôn tạo cảnh quan trong cụm, tuyến dân cư.

3. Nhà nước có chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế huy động các nguồn vốn hợp pháp tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội trên cụm, tuyến dân cư theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quản lý hành chính, trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường trên cụm-tuyến dân cư

1. Tùy tình hình, điều kiện thực tế của từng cụm-tuyến dân cư, việc chia tách, sáp nhập hoặc thành lập mới ấp, khóm phải tuân thủ quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khóm trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 của UBND tỉnh An Giang.

Tùy tình hình thực tế, mỗi cụm, tuyến dân cư có thể được bố trí một nền nhà với diện tích phù hợp để xây dựng văn phòng làm việc của khóm - ấp.

2. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sinh sống trong cụm-tuyến dân cư phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, các quy ước của khóm ấp và làm tròn nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước;

3. Mỗi cụm-tuyến dân cư phải xây dựng Đội phòng cháy chữa cháy tại chỗ, đủ số lượng và được trang bị dụng cụ, tập huấn kiến thức, kỹ năng về phòng cháy chữa cháy.

4. Mỗi gia đình phải trang bị dụng cụ gom rác và tập trung tại vị trí cố định thuận lợi cho việc thu gom chuyển vào bãi rác tập trung; Nghiêm cấm nuôi gia súc, gia cầm; không vứt xác động vật; sản xuất hoặc chứa chất gây cháy, gây nổ, chất độc trên cụm-tuyến dân cư.

5. Nghiêm cấm việc chôn cất người chết trên cụm-tuyến dân cư.

Chương III

PHÁT TRIỂN CỤM-TUYẾN DÂN CƯ

Điều 11. Nâng cấp, mở rộng cụm-tuyến dân cư

1. Các ngành, các cấp rà soát, cập nhật cụm-tuyến dân cư vào quy hoạch xây dựng cấp xã trên địa bàn; gắn cụm-tuyến dân cư vào Chương trình an sinh xã hội khác khác để huy động nguồn lực nâng cấp, mở rộng và phát triển các cụm-tuyến dân cư.

2. Nhà nước có chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nâng cấp, mở rộng cụm-tuyến dân cư; đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường, ưu tiên giải quyết lao động trên cụm-tuyến dân cư.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Căn cứ vào quy hoạch tổng mặt bằng đã được phê duyệt, tổ chức lập, ban hành và phổ biến Quy chế mẫu về quản lý xây dựng, sử dụng cụm, tuyến dân cư trên địa bàn.

2. Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức quản lý xây dựng, sử dụng các cụm, tuyến dân cư theo Quy định này và căn cứ vào tình hình đặc thù của địa phương ban hành Quy chế mẫu quản lý xây dựng, sử dụng của từng cụm-tuyến dân cư trên địa bàn.

3. Thực hiện quyền quản lý khai thác, sử dụng về nhà ở, đất ở, công trình xây dựng. Điều chỉnh, sắp xếp, bố trí dân cư; hướng dẫn các thủ tục để các hộ dân vay mua trả chậm nhà ở, đất ở và theo dõi, thu hồi nợ vay mua nền nhà và vay xây dựng nhà; tổ chức cấp phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Quy định này và quy định của pháp luật về đất đai.

4. Tổ chức quản lý duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội do Nhà nước xây dựng trên với cụm-tuyến dân cư. Tích cực mời gọi các thành phần kinh tế tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các công trình hạ tầng xã hội chưa đầu tư cụm-tuyến dân cư.

5. Thiết chế cụm, tuyến dân cư theo mô hình khu dân cư văn hóa; trong đó cần tập trung một số chính sách như: đào tạo nghề, cho vay xóa đói giảm nghèo, tranh thủ các nguồn vốn sớm xây dựng hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển và cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân trong các cụm, tuyến dân cư.

6. Tổ chức cho các đơn vị trực thuộc hoặc UBND cấp xã thực hiện việc quản lý, sử dụng thu gom rác thải; đảm bảo thực hiện tốt vệ sinh môi trường tại khu dân cư.

7. Chỉ đạo các ngành liên quan và UBND cấp xã có cụm, tuyến dân cư tăng cường thu hồi nợ vay mua nền nhà; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã

hội để thu hồi nợ vay xây dựng nhà; kiểm tra, đôn đốc việc bố trí dân và tổ chức quản lý cụm, tuyển dân cư sau đầu tư;

8. Tổng hợp báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất (nếu có) kết quả thực hiện cho Ban chỉ đạo tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và các bộ, Ngành liên quan.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì phối hợp các ngành liên quan kiểm tra thường xuyên về quản lý chất lượng công trình xây dựng cụm-tuyển dân cư; nghiên cứu, đề xuất cấp thẩm quyền xử lý các trường hợp khiếu nại và các vấn đề phát sinh tiêu cực khác (nếu có) liên quan đến cụm-tuyển dân cư.

2. Tổ chức theo dõi, đôn đốc các ngành có chức năng và UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các quy định này.

3. Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất (nếu có) về tình hình thực hiện Chương trình cho UBND tỉnh và Ban Điều phối Chương trình (Bộ Xây dựng).

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn và phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt việc quản lý thu hồi nợ vay mua nền nhà.

2. Hướng dẫn, đôn đốc tiến độ quyết toán công trình hoàn thành đảm bảo đúng thời gian theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và các ngành liên quan bố trí vốn lồng ghép để tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội chưa thực hiện trên cụm-tuyển dân cư.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc và UBND cấp huyện thực hiện quản lý về vệ sinh môi trường trong cụm-tuyển dân cư; tổ chức quan trắc, đánh giá môi trường trên cụm-tuyển dân cư để có giải pháp xử lý kịp thời về ô nhiễm môi trường (nếu có).

2. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Quy định này và quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc và UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện quản lý các hoạt động văn hóa, xây dựng đời sống văn minh và các thiết chế văn hóa cơ sở trên từng cụm-tuyển dân cư.

2. Lồng ghép các nguồn vốn chương trình mục tiêu của ngành tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh công trình văn hoá trên cụm-tuyển dân cư.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Lao động Thương binh và xã hội

1. Hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc và UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho các hộ dân sống trên cụm-tuyến dân cư.

2. Phối hợp với các ngành chức năng nghiên cứu, phổ biến mô hình sản xuất và có chính sách hỗ trợ vốn phù hợp, thực hiện có hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo trên cụm-tuyến dân cư.

Điều 19. Trách nhiệm của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội

1. Tiếp nhận nguồn vốn vay và lập kế hoạch cho vay phù hợp với tiến độ dân vào ở. Tổ chức theo dõi nợ và thu hồi nợ vay.

2. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc cho vay với thủ tục đơn giản, phù hợp quy định của Chương trình;

3. Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm cho UBND tỉnh và Ban chỉ đạo về tiến độ giải ngân và thu hồi vốn vay xây dựng nhà ở.

Điều 20. Trách nhiệm của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển

Phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức thu hồi nợ vay mua nền trả chậm;

Điều 21. Trách nhiệm của Điện lực An Giang và Công ty cổ phần Điện nước An Giang

Tổ chức quản lý, duy tu sửa chữa, vận hành việc cung cấp điện và cung cấp nước sinh hoạt cho từng cụm tuyến dân cư do đơn vị đầu tư hoặc được bàn giao quản lý.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các ngành, các cấp phản ánh về Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Anh Kiệt